TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 148/2025/HS-PT
Ngày: 14/4/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Cường**

Các thẩm phán: Ông **Trần Huy Đức**

Ông **Phạm Văn Hợp**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Phương Mai**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Thọ Định**, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2025/TLPT-HS ngày 07 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo Lê Văn T về tội "Giết người", "Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng" và tội "Cố ý gây thương tích". Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 135/2024/HS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

* Bị cáo có kháng cáo:

LÊ VĂN T, sinh ngày 05/11/1989 tại tỉnh Nghệ An; Giới tính: Nam

Nơi cư trú: Thôn E, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Con ông: Lê Thanh H, sinh năm 1957 và bà: Võ Thị H1, sinh năm 1959; Trình độ học vấn: 11/12; Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 25/02/2021, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: Xâm hại đến sức khỏe người khác, bằng hình thức phạt tiền 2.500.000 đồng. Bị cáo chưa chấp hành quyết định xử phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 10/3/2024, tạm giam ngày 13/3/2024, hiện đang tạm giam - Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn T theo yêu cầu của Tòa án: Luật sư

Nguyễn Đình H2 - Văn phòng L, Đoàn luật sư tỉnh Đ - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ năm 2017 đến năm 2021, Lê Văn T từ tỉnh Nghệ An vào tỉnh Đắk Lắk làm thuê và ở nhà anh Trịnh Minh H3, tại thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Anh H3 là hàng xóm ở gần nhà bà Nguyễn Thị Bích H4. Trong cuộc sống hàng ngày, ông Nguyễn Phúc K (là bố bà H4, đã chết 3/2023) và anh Nguyễn Minh H5, sinh năm: 1975 (là anh trai của bà H4), thường hay cầm gạch, đá ném sang nhà của anh Trịnh Minh H3, nên T cũng cầm gạch, đá ném vào nhà chị H4, dẫn đến nhiều lần bà H4 chửi T, dẫn đến bà H4 và T mâu thuẫn với nhau. T nảy sinh ý định giết chết bà H4 và thực hiện hành vi giết bà H4 02 lần, cụ thể như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 30/01/2023, bà H4 đang đi bộ đến nhà ông Nguyễn Phúc K (gần nhà bà H4) để đón con, thì T điều khiển xe mô tô đi đến, dừng xe chặn trước mặt bà H4, chửi bà H4 và mở cốp xe lấy 02 con dao đã chuẩn bị sẵn xông vào chém bà H4; bà H4 bỏ chạy, thì T dùng dao chém trúng hai nhát vào đầu, vào vai bà H4. Bà H4 ngồi khụy xuống đường, T tiếp tục dùng dao xông vào chém bà H4, thì anh Nguyễn Phúc T1 (em trai bà H4), chạy đến dùng tay đỡ nhát dao chém vào người bà H4, nên bị T chém trúng cẳng tay trái anh T1; anh T1 xông vào ôm giữ T và giật lấy con dao trên tay T và bị T dùng dao chém vào tay, vào hông anh T1; anh T1, ôm giữ được hai tay cầm dao của T và kêu cứu được mọi người chạy đến can ngăn và đưa bà H4, anh T1 đến bệnh viện cấp cứu, còn T bỏ trốn.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, ngày 20/6/2023 Lê Văn T bị Công an huyện C, tỉnh Đắk Lắk khởi tố về tội Cố ý gây thương tích và bị truy nã.

Quá trình trốn truy nã, tháng 6/2023, T mua 01 khẩu súng ngắn, dạng súng Ru Lô cùng với 11 viên đạn, tại CamPuChia, để thực hiện hành vi giết bà H4. Khoảng 10 giờ 50 phút ngày 11/01/2024, bà H4 cùng với chị Nguyễn Thị H6, đang ngồi uống nước tại bàn đặt ở vị trí khu vực hiên trái nhà của mình (H7 nhìn từ trong nhà ra ngoài cổng). Lúc này, Lê Văn T (bịt kín mặt, mặc áo khoác màu đen trùm đầu, quần jean màu xanh, đeo 01 túi xách điều khiển xe mô tô nhãn hiện Ya Ma H8, loại Sirius màu đỏ đen, gắn biển số 47T1-004.77) đi đến trước cổng nhà anh Trịnh Minh H3 (Hùng T) cách nhà bà H4 khoảng 7m, T dừng xe lại và đi bộ đến nhà bà H4, thấy cổng mở và bà H4 đang ngồi nói chuyện với chị H6, T đi vào sân nhà và đứng cách bà H4 khoảng 3m; T lấy súng từ trong túi xách, chĩa thẳng về bà H4 bóp cò nhưng đạn không nổ. Thấy vậy, bà H4 bỏ chạy vào trong nhà, thì T đuổi theo chĩa súng vào người bà H4 bắn tiếp hai phát; bà H4 trúng đạn bị thương và bỏ chạy vào trong phòng ngủ, đóng cửa lại, thì T đuổi theo đến trước cửa phòng tiếp tục chĩa súng vào, thì bị cánh cửa phòng ngủ va vào khẩu súng làm bung ổ xoay ra rơi 04 viên đạn xuống nền nhà. Bà H4 khóa cửa phòng ngủ, nên T bỏ đi ra ngoài lấy xe máy bỏ trốn. Ngày 10/3/2024,

T bị bắt theo lệnh truy nã tại xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 179/TgT-TTPY, ngày 02/02/2023 và Bản kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số: 42/KLTTCT-PY, ngày 15/3/2023; Bản kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống số: 133/KLTTCT-PY, ngày 19/01/2024; Của Trung tâm Pháp Y tỉnh Đ, Kết luận:

1. Bà Nguyễn Thị Bích H4 bị: Vết thương để lại sẹo thái dương trái; vết thương để lại sẹo hơi chéo sau vai trái; Gãy xương gai vai trái, đã mổ cố định; hạn chế vận động vai trái do đau. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Thị Bích H4 tại thời điểm giám định là: 16%. Vật tác động: Vật sắc.

2. Bà Nguyễn Thị Bích H4 bị: Vết thương má trái, dưới dái tai 01cm; vết thương để lại sẹo sau tai trái, cách tai trái 1,5cm; vết thương đã đóng vảy chéo trên ngoài vai phải. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Thị Bích H4 tại thời điểm giám định là: 06%. Vật tác động: Vết thương má trái và vết thương sau tai trái, do vật tày tiết diện nhỏ tác động; vết thương ngoài vai phải, do va chạm trực tiếp với vật tày diện rộng.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 178/TgT-TTPY, ngày 02/02/2023 và Bản kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số: 41/KLTTCT-PY, ngày 15/3/2023 của Trung tâm Pháp Y tỉnh Đ, kết luận: Nguyễn Phúc T1 bị: 02 vết thương vùng hông trái; vết thương đã khâu, mặt trước 1/3 giữa cẳng tay trái; vết thương đã khâu, mở rộng mặt sau 1/3 cẳng tay trái; 02 vết thương đã khâu hơi chéo mặt lòng bàn tay phải; đứt bán phần gân gấp cổ tay quay, đã khâu nối ổn định; đứt bán phần gân tay dài, đã khâu nối ổn định; đứt gân duỗi các ngón 2- 3- 4- 5, đã khâu nối ổn định; đứt động mạch quay, đã khâu nối ổn định. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Phúc T1 tại thời điểm giám định là: 23%. Vật tác động: Vật sắc

Tại Bản kết luận giám định số 229/KL-KTHS ngày 02/02/2024 của Phòng K1 - Công an tỉnh Đ, kết luận: Dấu vết màu nâu đỏ, thu giữ trong quá trình khám nghiệm hiện trường, gửi giám định là máu người và trùng với nhóm máu của bà Nguyễn Thị Bích H4.

Tại bản Kết luận giám định số 200/KL-KTHS ngày 31/01/2024 và Bản kết luận giám định số:1067/KL-KTHS ngày 31/5/2024, của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận: Một khẩu súng, dạng súng ổ xoay, được niêm phong gửi giám định: Là súng tự chế tạo, khi bắn có khả năng gây sát thương, nguy hại cho tính mạng, sức khỏe của con người, phá hủy kết cấu vật chất; hiện tại khẩu súng sử dụng bắn được và thuộc vũ khí quân dụng; 05 viên đạn gửi giám định, là đạn cỡ (5,6 x 15,5) mm, hiện tại còn sử dụng được và thuộc loại vũ khí thể thao; 02 đầu đạn bằng kim loại, đã biến dạng một phần, gửi giám định là do khẩu súng trên bắn ra; khẩu súng là loại đạn trên bắn trong khoảng cách 03m, mà đầu đạn trúng vào cơ thể người, thì gây thương tích hoặc chết người.

Bản án hình sự sơ thẩm số 135/2024/HS-ST ngày 29 tháng 11 năm

2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội: "Giết người"; "Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng" và "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, khoản 3 Điều 57, Điều 15, các điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm e, g khoản 1 Điều 52 BLHS

Xử phạt: Lê Văn T 18 (Mười tám) năm tù về tội Giết người;

Áp dụng khoản 1 Điều 304, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xử phạt: Lê Văn T 04 (B) năm tù về tội Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xử phạt: Lê Văn T 04 (B) năm tù về tội Cố ý gây thương tích.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 BLHS: Tổng hợp hình phạt 03 tội, buộc Lê Văn T phải chấp hành hình phạt chung là 26 (Hai mươi sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 10/3/2024.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần trách nhiệm dân sự án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định bị cáo Lê Văn T kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên toà phúc thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, xem xét ý kiến của Luật sư và quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, bị cáo Lê Văn T thừa nhận hành vi và tội danh như Toà án cấp sơ thẩm xét xử là đúng, chỉ giữ nguyên kháng cáo xin giảm hình phạt.

[2] Xét lời khai của Lê Văn T tại phiên tòa, là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và lời khai của người làm chứng, phù hợp với vật chứng đang được thu giữ và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác, có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Bích H4, mâu thuẫn nhỏ nhặt với nhau trong cuộc

sống hàng ngày, do hai người ở cạnh nhà nhau. Xuất phát từ tính côn đồ hung hãn, coi thường pháp luật, xem nhẹ tính mạng, sức khỏe của người khác một cách cao độ; Chiều ngày 30/01/2023, T chuẩn bị sẵn 02 con dao để thực hiện hành vi giết chết bà H9; khi thấy bà H9 đi bộ gần nhà ông Nguyễn Phúc K, tại thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, T đã dùng 02 con dao chém vào đầu bà H4, nhằm giết chết bà H4 nhưng do anh Nguyễn Phúc T1, là em trai của bà H4 phát hiện và can ngăn, nên T không thực hiện được hành vi giết chết bà H4; Việc bà H4 không chết và bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể 16%, là ngoài ý muốn của bị cáo. Do anh T1 cản trở T giết bà H4, T đã dùng dao chém anh T1, gây thương tích cho anh T1, với tỷ lệ tổn thương cơ thể 23%. Sau khi bỏ trốn, T đã cất giấu trái phép khẩu súng quân dụng, để thực hiện hành vi giết bà H4; Sáng ngày 11/01/2024, T mang súng đến nhà bà H4, tại thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, T đã dùng súng bắn vào người bà H4 nhưng đạn không nổ; bà H4 bỏ chạy vào phòng ngủ, T đuổi theo và dùng súng bắn 02 phát vào người bà H4; Bà H4 trúng đạn nhưng không chết, chỉ bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể 06%, là ngoài ý muốn của T.

Với hành vi phạm tội của Lê Văn T, Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo các tội: Tội Giết người, với tình tiết định khung hình phạt là giết người có tính chất côn đồ, được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 BLHS; Tội cố ý gây thương tích, với tình tiết định khung hình phạt, là dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích, phạm tội có tính chất côn đồ, được quy định tại các điểm a, i khoản 1 Điều 134 BLHS nhưng tỷ lệ tổn thương cơ thể của người bị hại 23%, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS; Tội Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng, theo khoản 1 Điều 304 BLHS, là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Xét tính chất vụ án do Lê Văn T gây ra là đặc biệt nghiêm trọng, đã gây tác hại xấu về nhiều mặt cho xã hội; Giữa bị cáo và bà Nguyễn Thị Bích H4 ở cạnh nhà nhau và có mâu thuẫn nhỏ nhặt với nhau trong cuộc sống hàng ngày. Do tính côn đồ hung hãn, xem thường tính mạng, sức khỏe của người khác một cách cao độ; Chiều ngày 30/01/2023, bị cáo đã chuẩn bị sẵn 02 con dao để giết bà H4; khi thấy bà H4 đang đi trên đường, bị cáo dùng dao chém liên tiếp vào đầu bà H4, nhằm mục đích giết chết bà H4; Do anh Nguyễn Phúc T1, là em trai bà H4 phát hiện và can ngăn kịp thời, nên T không thực hiện được hành vi giết chết bà H4, là ngoài ý muốn của bị cáo. Do anh T1 ngăn cản hành vi giết người của bị cáo, bị cáo đã dùng dao gây thương tích cho anh T1, rồi bỏ trốn; Trong thời gian bỏ trốn, bị cáo tàng trữ trái phép khẩu súng quân dụng, cùng với 11 viên đạn để thực hiện hành vi giết bà H4; Sáng ngày 11/01/2024, bị cáo mang súng đến nhà bà H4 và thực hiện hành vi dùng súng bắn vào người bà H4 nhưng đạn không nổ; bà H4 bỏ chạy, bị cáo tiếp tục đuổi theo dùng súng bắn 02 phát vào người bà H4; bà H4 trúng đạn nhưng chỉ bị thương tích, không chết là ngoài ý muốn của bị cáo; Hành vi phạm tội của bị cáo, thể hiện quyết tâm thực hiện tội phạm đến cùng, là giết chết bằng được nạn nhân; Việc nạn nhân không chết là do trở ngại khách quan, ngoài ý muốn của bị cáo.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo phạm chưa đạt về tội Giết người, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo và tác động với gia đình, tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại chị Nguyễn Thị Bích H4; Bố của bị cáo là người có công với N, được tặng thưởng huân chương chiến công hạng ba; bác ruột của bị cáo là liệt sĩ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Từ đó, Toà án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt đối với bị cáo là thoả đáng, tương xứng với tính chất hành vi và hậu quả vụ án; bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm về hình phạt đơi với bị cáo.

Về án phí phúc thẩm hình sự: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Bị cáo Lê Văn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định pháp luật.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, khoản 3 Điều 57, Điều 15, các điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm e, g khoản 1 Điều 52 BLHS

Xử phạt: Lê Văn T 18 (Mười tám) năm tù về tội Giết người;

Áp dụng khoản 1 Điều 304, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xử phạt: Lê Văn T 04 (B) năm tù về tội Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xử phạt: Lê Văn T 04 (B) năm tù về tội Cố ý gây thương tích.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 BLHS: Tổng hợp hình phạt 03 tội, buộc Lê Văn T phải chấp hành hình phạt chung là 26 (Hai mươi sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 10/3/2024.

Về án phí phúc thẩm hình sự: Bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THA dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam thuộc CA tỉnh Đắk Lắk (02 bản để giao cho bị cáo 01 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Phòng HCTP, LTHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Cường